

# KHÁI QUÁT MỘT SỐ DẤU MỐC CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG

## GIÁ DẦU GIẢM TRÊN THẾ GIỚI

### 1. Giá dầu sụt giảm kỷ lục vào những năm 1980

Giai đoạn 1981-1986, các nước công nghiệp phát triển dường như vẫn chưa thể gượng dậy sau khủng hoảng kinh tế năm 1973 - 1979 nên nhu cầu tiêu thụ dầu trên toàn thế giới chậm lại. Tuy nhiên, nói về nguyên nhân chính của giá dầu giảm khi đó, có lẽ là hợp lý khi khẳng định, điều này nằm trong ý đồ của Mỹ. Michael Reagan (con trai của Tổng thống Ronald Reagan) phân tích về chính sách của Tổng thống Ronald Reagan đối với Liên Xô như sau: “Đến thập niên 1980, dầu mỏ chỉ là thứ duy nhất của người Nga mà thế giới muốn mua, ngoài tên lửa đạn đạo xuyên lục địa và bom khinh khí - nhưng hai thứ sau này không phải để bán. Nhận ra sức mạnh của điện Kremli là dựa vào bán dầu mỏ, cha tôi đã gặp lãnh đạo Arập Xêút để bàn về việc tăng sản lượng dầu mỏ. Đó là lý do tại sao Arập Xêút vẫn bán bình thường mà không hề cắt giảm sản lượng (có thể có một lý do khác là trữ lượng dầu ở nước này vẫn còn nhiều). Trong khi đó, Mỹ tận dụng xu hướng giá dầu giảm làm cho giá dầu giảm mạnh hơn để quyết phá Liên Xô bằng cách gia tăng nguồn cung dầu do dầu ở Alaska đang còn dự trữ. Giá dầu mỏ đi xuống làm đồng rúp mất giá, Gorbachev đã lâm vào khó khăn, buộc phải chấp nhận perestroika và sau đó là sự sụp đổ của Liên Xô”<sup>1</sup>.

Công cụ đầu tiên mà Tổng thống Reagan sử dụng là cuộc chạy đua vũ trang, nước Mỹ đã tăng ngân sách quốc phòng từ 134 tỷ USD năm 1980 lên 253 tỷ USD vào năm 1989, chiếm tới 7% GDP và tăng đáng kể thâm hụt liên bang. Có bất kịp nước Mỹ, Liên Xô cũng tăng ngân sách quốc phòng, chiếm tới 22-27% GDP vào giữa thập niên 1980 và làm đóng băng sản xuất hàng tiêu dùng trong nước ở mức của đầu thập niên này. Thực tế, Reagan là người chấm dứt những lệnh cấm vận ít hiệu quả của thời Tổng thống Carter (tẩy chay Thế vận hội Moscow 1980, ngược lại Liên Xô cũng tẩy chay Thế vận hội Los Angeles 1984 là một ví dụ), nhưng Reagan đã thành công trong việc hạn chế công nghệ

<sup>1</sup>Cải tổ: một chính sách thay đổi kinh tế và chính trị được Liên Xô tiến hành từ năm 1986 đến 1991 (Bi).

phương Tây đến với Liên Xô và xuất khẩu dầu mỏ, khí đốt của Liên Xô sang châu Âu.

Ngoài ra, còn có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc giảm giá dầu thời kỳ này: lượng cầu giảm do giá tăng cao, các nước sản xuất dầu đã có những kho dự trữ lớn, việc nghiên cứu những nguồn năng lượng mới thay thế năng lượng hóa thạch (điển hình là điện hạt nhân ở Pháp) đã phát triển,... Các nước OPEC (trừ Ả-rập Xêút) đứng trước yêu cầu phải giảm sản lượng dầu (do đó đến cuối năm 1981, sản lượng của các nước ngoài OPEC lại vượt nhóm này): các nước OPEC đã cắt giảm sản lượng từ 27 triệu thùng/ngày (1980) xuống 17,6 triệu thùng/ngày (1983). Tuy nhiên, năm 1983 OPEC đã tăng sản lượng làm giá dầu giảm từ 34 USD/thùng xuống 29 USD/thùng. Hệ quả tất yếu là giá dầu lao dốc nhanh từ mức đỉnh 35 USD/thùng được thiết lập năm 1981 xuống dưới 10 USD/thùng trong năm 1986.

Trong cuộc chơi của giá dầu luôn có kẻ thắng - người thua. Và trong lần tụt dốc này, giá dầu giảm đã làm lợi cho các nước tiêu thụ dầu lớn như Mỹ, Nhật Bản, châu Âu và các quốc gia đang phát triển, nhưng lại gây tổn thất nghiêm trọng cho các nước xuất khẩu dầu ở Bắc Âu, khối OPEC và Liên Xô. Giá dầu đi xuống trong những năm 1980 còn khiến nền kinh tế Liên Xô “lao đao”. Nguồn thu ngoại tệ từ dầu giảm cộng với việc các cam kết quốc tế vượt khả năng nền kinh tế có thể kham nổi, trình độ quản lý yếu kém, gánh nặng ngân sách quân sự và một số yếu tố khác đã làm cho nền kinh tế Liên Xô suy sụp mạnh. Đánh giá về giai đoạn này, ông Yegor Timurovich Gaidar, quyền Thủ tướng Nga từ tháng 6 đến tháng 12-2002, đã viết: “Tháng 9-1985, Ả-rập Xêút từ chối giảm sản lượng dầu. Liên Xô bị mất 20 tỷ USD/năm, là lượng tiền quý báu và cần thiết cho đất nước”. Khi giá dầu xuống còn 10 USD/thùng vào năm 1986 đã đẩy Liên Xô vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị sau đó và hệ quả là gây ra sự “sụp đổ” của Liên Xô vào cuối những năm 1980, đầu năm 1990. Trong khi đó, cuộc khủng hoảng giá dầu này cũng làm cho các công ty nhiên liệu ở Mêhicô, Venêxuêla và Nigêria phải phá sản. “Vàng đen” bị thất sủng còn khiến khối OPEC mất đi sự đoàn kết vì cuộc chiến tranh giành thị phần và những biến cố trọng đại của lịch sử thế giới. Chiến tranh về kinh tế với sức mạnh có thể xem là mạnh hơn súng đạn nhiều lần. Như vậy, có thể nói, giá dầu là một trong những

vũ khí quan trọng của Mỹ đã được sử dụng và góp phần làm sụp đổ Liên bang Xô viết và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa vào cuối thập niên 1980.

Trong giai đoạn này còn có một đặc điểm nữa là các nước châu Âu và Nhật Bản chuyển nguồn cung dầu của mình. Nếu năm 1973, Vùng Vịnh cung cấp 60% dầu tiêu thụ của châu Âu và 90% của Nhật Bản, thì đến năm 1980, các con số này đã giảm xuống tương ứng là 40% và 60%. Nguồn dầu Vùng Vịnh cũng chỉ chiếm có 3% tổng lượng dầu tiêu thụ của Mỹ. Đây là cách mà Mỹ đối phó với cú sốc giá dầu: duy trì một đồng đôla mạnh cho phép Mỹ ít bị thiệt thòi hơn khi nhập khẩu dầu, trong khi đó các nước châu Âu và Nhật Bản phải dùng đôla để nhập khẩu thì lại thiệt nhiều hơn. Chính sách này của Tổng thống Reagan đã can thiệp hiệu quả vào tình hình và giá dầu bắt đầu giảm. Giá dầu thấp được duy trì trong suốt thập niên 1980 ở mức khoảng 20 USD/thùng.

## **2. Giá dầu xuống dốc năm 2001**

Từ sau năm 1990, do OPEC tăng sản lượng liên tục và nhất là sau cuộc chiến Vùng Vịnh giải phóng Côoét, giá dầu bước vào giai đoạn giảm giá liên tục, ở mức 20 USD/thùng vào năm 1994. Tiếp đó, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu (1998-1999) bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Nam Á vào cuối năm 1997 đã làm cho hầu hết các nền kinh tế trên thế giới lâm vào suy thoái. Điều này tạo ra một giai đoạn giảm sút của kinh tế toàn cầu, trong đó có cả sự suy giảm của kinh tế Mỹ bắt đầu từ cuối năm 1999, nhất là sau sự kiện khủng bố ngày 11 tháng 9. Việc giảm sút mạnh của kinh tế thế giới làm cho nhu cầu nhiên liệu giảm mạnh cùng với sự gia tăng sản lượng của các nước OPEC (OPEC tăng sản lượng thêm 500.000 thùng/ngày bắt đầu từ ngày 1-11-2000) và các nước ngoài. OPEC đã gây áp lực giảm giá dầu. Kết quả là giá dầu thế giới càng giảm mạnh hơn. Giá dầu giao ngay theo tiêu chuẩn của các nhà trung gian Tây Texas Mỹ đã giảm 35% vào giữa tháng 11-2000. Do đó, OPEC liên tiếp phải cắt giảm sản lượng và tính tới ngày 1-9-2001 đã cắt giảm 3,5 triệu thùng/ngày. Nếu không có cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9-2001, sự cắt giảm này của OPEC có thể đủ để làm cân bằng, thậm chí là đảo ngược xu thế. Sau tháng 1-2002, OPEC cắt giảm tiếp 1,5 triệu thùng/ngày và các nước ngoài OPEC cũng tham gia cắt giảm sản lượng, trong đó có cả Nga với mức cắt giảm cam kết là 462.500 thùng/ngày. Điều này đã đem lại kết quả

mong muốn của OPEC khi giá dầu tăng lên mức 25 USD/thùng vào tháng 3-2002.

### 3. Nhận xét về các cuộc khủng hoảng giá dầu

*Thứ nhất*, sự quay trở lại giá độc quyền do OPEC ấn định sau 20 năm giá dầu được xác định trên thị trường cạnh tranh tự do. Trong lịch sử của giá dầu hơn 50 năm qua kể từ khi OPEC giành vị trí thống lĩnh thị phần, giá dầu (tính theo giá trị đồng đôla Mỹ năm 2015) đã trải qua ba giai đoạn biến động chính: (i) Từ năm 1974 đến 1985, giá dầu WTI của Mỹ dao động từ 48-120 USD/thùng; (ii) Từ năm 1986 đến 2004, giá dầu dao động từ 21-48 USD/thùng (trừ năm 1986 có cuộc khủng hoảng của Nga và cuộc chiến tranh năm 1991 tại Irắc); (iii) Từ năm 2005 đến nửa đầu năm 2014, giá dầu khoảng 50-120 USD/thùng (trừ giai đoạn khủng hoảng tài chính 2008- 2009). Đáng chú ý là trong 10 năm qua, giá dầu quay lại trạng thái hoàn toàn tương tự thập niên đầu tiên dưới sự thống trị của các nước OPEC (1975-1985). Nhưng giai đoạn 1986-2004 lại ở trạng thái hoàn toàn khác biệt. Đó là những lần tăng giá trước kia đều diễn ra trong khoảng thời gian dài, còn việc tăng giá gần đây lại thường xuyên và bất thường hơn. Sự khác nhau này có thể được lý giải ở sự độc quyền của OPEC bị phá vỡ vào năm 1985, khiến thị trường chuyển từ trạng thái giá độc quyền sang cạnh tranh trong 20 năm sau. Đến năm 2005, OPEC giành lại thế độc quyền nhờ tận dụng nhu cầu dầu mỏ bùng nổ của Trung Quốc. Rõ ràng, ranh giới của thời kỳ độc quyền và cạnh tranh là mức giá quanh 50 USD/thùng.

*Thứ hai*, giá dầu tăng gây ra suy thoái kinh tế và suy thoái sẽ là nguyên nhân làm cho giá dầu giảm vào những năm tiếp theo, sản lượng dầu các năm 1974, 1979, 1990 và 2011 được cắt giảm đã dẫn tới sự tăng giá mạnh do cầu chưa kịp điều chỉnh, về phía cầu, khi tăng lên sẽ dẫn tới sự tăng mạnh của giá dầu. Cung dầu là tương đối không co giãn trong ngắn hạn, trừ khi OPEC dư thừa công suất sản xuất rất lớn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tăng lên. Phản ứng từ phía cung phụ thuộc một phần vào quyết định sản lượng của OPEC: (i) Một vài quyết định của OPEC xuất phát từ những yếu tố chính trị (như trường hợp giá dầu tăng gấp ba lần năm 1973 và sự cấm vận dầu sau đó); (ii) OPEC luôn nhận thức được rằng, sự tăng lên của giá dầu sẽ đẩy nền kinh tế Mỹ và thế giới vào khủng hoảng làm giảm tốc độ phát triển kinh tế và thậm chí dẫn tới suy thoái khi

sản lượng nền kinh tế tăng trưởng âm, điều này có thể làm gia tăng tỷ lệ lạm phát ở nhiều nước nhập khẩu. Theo tính toán của nhiều tổ chức thì nếu giá dầu tăng đều đặn khoảng 10% trong một năm sẽ làm giảm đối với dầu mỏ. Điều đó có nghĩa là giá dầu tăng cao gây sức ép giảm cầu đối với dầu mỏ. Thực tế này sẽ ảnh hưởng tới các nước xuất khẩu dầu mỏ nếu như cuộc khủng hoảng dẫn tới sự giảm mạnh của giá dầu.

*Thứ ba, Ả-rập Xê-út là quốc gia có vai trò quan trọng trong việc điều tiết giá dầu.* Các thành viên chính của OPEC với trữ lượng lớn có động cơ khuyến khích các nước nhập khẩu dầu không đầu tư quá nhiều vào sản xuất các loại năng lượng khác vì điều này sẽ dẫn tới sự giảm phụ thuộc của các nước này vào dầu mỏ của OPEC. OPEC thường có hành động nhằm kiểm soát nguồn cung để tránh sự tăng giá quá mức vì về lâu dài, điều này sẽ quay trở lại ảnh hưởng xấu tới OPEC. Công suất sản xuất dư thừa (cho dù không quá lớn) của các nước thành viên OPEC đã hạn chế khả năng kiểm soát giá. Tuy nhiên, duy trì một liên minh kinh tế gắn kết giữa các nước sản xuất và xuất khẩu dầu mỏ là một điều khó khăn bởi bên cạnh mục đích chính là duy trì giá dầu lợi cho liên minh, các nước còn có các mục đích kinh tế và chính trị khác nhau đối với các nước trong và ngoài liên minh. Điều đó có nghĩa là, giá dầu tăng cao thúc đẩy sản xuất ngoài liên minh. Bởi vậy, mỗi thành viên của liên minh đều có động cơ để gian dối. Các thành viên lớn của liên minh sẽ không muốn cắt giảm sản lượng và chứng kiến thị phần của mình giảm sút nếu như họ cân bằng phần tăng thêm ngầm của các thành viên khác. Tuy nhiên, giá dầu ngày càng không thể kiểm soát không phải bởi hành động của tất cả các thành viên, mà chỉ bởi Ả-rập Xê-út, tiếp đó là Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE) vì hầu hết các nước thành viên OPEC khác đều sản xuất hết công suất và thường vượt quá hạn ngạch quy định, trong khi Ả-rập Xê-út là nước duy nhất sản xuất thấp hơn nhiều so với công suất thực tế.

*Thứ tư, đã xuất hiện sự bất hợp tác giữa Mỹ và các nước OPEC Trung Đông.* Nói chung kể từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1979 cho tới thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, khi các thị trường dầu mỏ trên thế giới, nhất là thị trường Mỹ và phương Tây thiếu hụt nguồn cung, Ả-rập Xê-út và một số đồng minh khác của Mỹ ở Trung Đông đều tăng sản lượng để hỗ trợ các nền kinh tế phương Tây.

Khi đó, một đặc điểm bao trùm trong mối quan hệ giữa giới lãnh đạo nhiều nước Trung Đông và phương Tây là có thiện chí và tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên, thiện chí và sự tôn trọng này hiện không còn nữa, nhất là sau trường hợp Mỹ công khai giúp lật đổ Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak, bất chấp sự trung thành của ông ta trong suốt 30 năm qua, thậm chí còn không có bất kỳ hành động nào để giữ thể diện cho ông Mubarak. Cách xử sự của Mỹ đối với một đồng minh lâu năm như ông Mubarak đã khiến Quốc vương Abdullah của Ả-rập Xêút bất bình và có tin ông này đã chỉ trích Tổng thống Mỹ Barack Obama trong một cuộc điện đàm nảy lửa. Để nói rõ với thế giới Ả-rập về quan điểm của ông và những điều ông nghĩ về cách hành xử của Tổng thống Obama, Quốc vương Abdullah đã ra lệnh cho các trợ lý miêu tả với báo chí sự đối đầu của ông và Tổng thống Obama.

*Thứ năm, không những không hợp tác, mà đã xuất hiện sự đối đầu giữa Mỹ và các nước OPEC Trung Đông.* Hiện Mỹ đang tiến hành các cuộc chiến tranh chống lại những đồng minh cũ tại Trung Đông, do vậy, nếu thế giới lại lâm vào cảnh khan hiếm dầu, các nước Trung Đông sẽ nhấn mạnh sự phản đối chính sách của Mỹ, Abdullah còn quyết định chống lại việc Mỹ đe dọa cắt viện trợ hàng năm trị giá 1,3 tỷ USD cho Ai Cập bằng cách cam kết cung cấp cho Cairo số tiền này nếu Mỹ cắt viện trợ. Ả-rập Xêút giờ đây tin rằng nước này cần phải tự lực cánh sinh và đang bắt đầu hướng chính sách đối ngoại ra khỏi sự phụ thuộc vào Mỹ, ví dụ như đang xem xét việc thỏa hiệp với đối thủ chính là Iran, Các nước sản xuất dầu mỏ khác trong khu vực này chắc chắn cũng rút ra bài học tương tự không còn hỗ trợ phương Tây và Mỹ. Ông Lawrence Solomon, Giám đốc điều hành Tổ chức khảo sát năng lượng (Canada) cho rằng, nếu có cuộc khủng hoảng dầu mỏ do giá dầu tăng sắp xảy ra, nó sẽ không giống các cuộc khủng hoảng trước đây, khi phương Tây có thể dựa vào các nước xuất khẩu dầu mỏ tại Trung Đông và tất cả các nước Trung Đông đều cho rằng sức mạnh quân sự của Mỹ sẽ đảm bảo an ninh cho các tuyến đường biển bằng bất kỳ giá nào. Ngày nay, hầu hết các nước Trung Đông đều coi Mỹ là một cường quốc đang suy yếu và bất lực. Do vậy, nếu xảy ra cuộc khủng hoảng dầu mỏ, Mỹ và phương Tây sẽ không còn dựa được vào sự hợp tác của các nước Trung Đông để hạn chế sự hỗn loạn trên các thị trường dầu mỏ và những biến động kinh tế ở trong nước. Trong khi đó, nếu nổ ra cuộc khủng hoảng dầu mỏ sắp tới, các nước

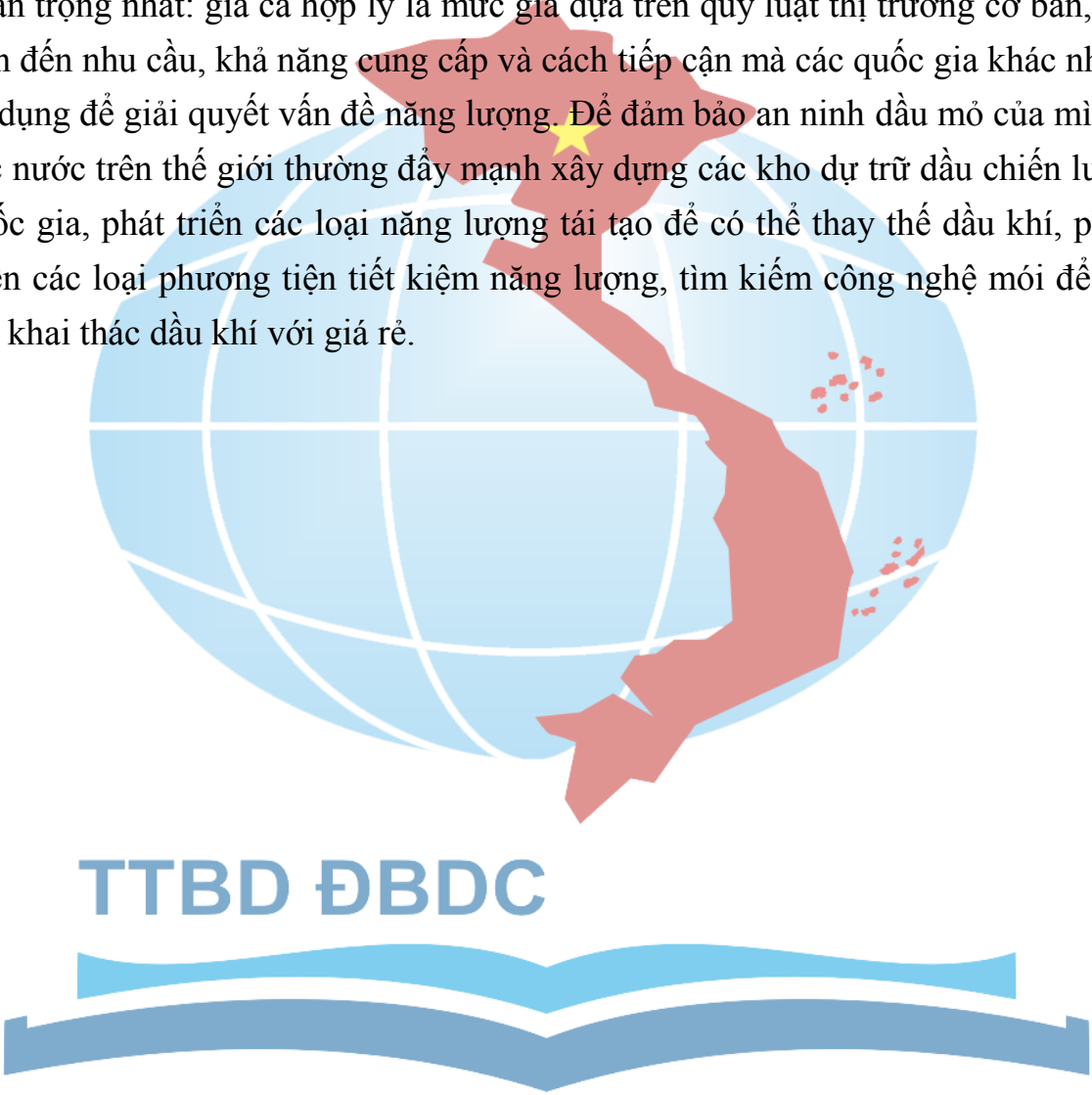
sản xuất dầu mỏ tại Trung Đông sẽ ít cảm thấy có nghĩa vụ phải làm theo mệnh lệnh của Mỹ, mà ngược lại, họ có thể muôn chứng tỏ cho Mỹ về cái giá của việc Washington đã không tôn trọng họ. Chính quyền của Tổng thống Obama khi đó có thể lại cần đến số phiếu phân phối xăng dầu mà họ đã in năm 1979.

Như vậy, việc phát hiện ra dầu khí thực sự là một cột mốc vô cùng quan trọng trong tiến trình văn minh loài người. Nhu cầu về dầu mỏ của nhân loại luôn tăng không ngừng để phục vụ nhu cầu về giao thông, sinh hoạt cá nhân, thương mại và công nghiệp, trong đó giao thông vận tải và công nghiệp nặng vẫn là những ngành có nhu cầu cao nhất về dầu lửa trên thế giới. Cho đến thời điểm năm 2006, chưa có nguồn nguyên liệu nào thay thế được dầu mỏ trong lĩnh vực giao thông vận tải (nhất là giao thông đường không và đường biển), lĩnh vực chiếm 60% nhu cầu dầu lửa trong giai đoạn 2002-2015. Hơn nữa, dầu khí cũng được sử dụng trong công nghiệp hoá dầu để sản xuất các chất dẻo và nhiều sản phẩm khác. Sự hình thành ngành dầu khí gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp và vì thế, nó có ý nghĩa to lớn đối với đời sống nhân loại nói chung và quan hệ quốc tế nói riêng. Dầu khí mang lại lợi nhuận siêu ngạch cho các quốc gia và dân tộc trên thế giới đang sở hữu và tham gia trực tiếp kinh doanh nguồn tài nguyên trời cho này. Dầu khí đã làm đảo lộn so sánh lực lượng cũng như chính sách của các quốc gia sở hữu thứ “vàng đen” này.

Tuy nhiên, trên thế giới có sự phân bố không đồng đều về trữ lượng dầu mỏ giữa các quốc gia. Theo thống kê, ba khu vực có trữ lượng dầu khí nhiều nhất thế giới là Trung Đông - Bắc Phi, Trung Á và Bắc Mỹ chiếm 82,3% trữ lượng dầu khí thế giới. Trong đó, trữ lượng của khu vực Trung Đông chiếm 64%; tỷ lệ của châu Mỹ, châu Phi, Nga và khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần lượt là 14%, 7%, 4,8% và 4,27%. Hoạt động dầu khí trên thế giới diễn ra ngày một sôi động và ngành công nghiệp này đã trở thành một ngành công nghiệp mũi nhọn đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, có vai trò vô cùng quan trọng với nền kinh tế quốc dân của nhiều quốc gia trên thế giới.

Dầu khí có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, nhưng giá dầu lại biến động khôn lường, lúc lên lúc xuống thất thường khiến các nước phải tìm cách dự đoán biến động của giá dầu và tìm các giải pháp để đối phó với các

cuộc khủng giá dầu. Kinh nghiệm của hơn 50 năm qua với các cuộc khủng hoảng giá dầu khác nhau cho thấy, để đối phó với khủng hoảng giá dầu thì ngay từ giữa thế kỷ XX người ta đã đưa ra khái niệm an ninh dầu mỏ, theo đó bảo đảm an ninh dầu mỏ là phải bảo đảm công tác bảo vệ môi trường, giá cả hợp lý và khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp phát sinh từ các nhân tố kinh tế, chính trị bên trong và bên ngoài một quốc gia. Trong đó, giá cả hợp lý là quan trọng nhất: giá cả hợp lý là mức giá dựa trên quy luật thị trường cơ bản, có tính đến nhu cầu, khả năng cung cấp và cách tiếp cận mà các quốc gia khác nhau sử dụng để giải quyết vấn đề năng lượng. Để đảm bảo an ninh dầu mỏ của mình, các nước trên thế giới thường đẩy mạnh xây dựng các kho dự trữ dầu chiến lược quốc gia, phát triển các loại năng lượng tái tạo để có thể thay thế dầu khí, phát triển các loại phương tiện tiết kiệm năng lượng, tìm kiếm công nghệ mới để có thể khai thác dầu khí với giá rẻ.



TTBD ĐBDC